TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP KHÁ TOÀN KHÓA ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
Niên khóa 2014 - 2017

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
1	Lưu Thị Như	Bình		15/10/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.00	Khá	CĐĐD8A
2	Nguyễn Đô	Em	20/07/95		Phước Long, Bạc Liêu	7.00	Khá	CĐĐD8A
3	Trần Ngọc	Huyền		15/05/95	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.42	Khá	CĐĐD8A
4	Trần Thanh	Nga		08/10/96	Trần Văn Thời, Cà Mau	7.46	Khá	CĐĐD8A
5	Nguyễn Kim	Ngọc		26/2/1995	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.38	Khá	CĐĐD8A
6	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		04/01/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.30	Khá	CĐĐD8A
7	Nguyễn Minh	Quy	18/08/95		Giá Rai, Bạc Liêu	7.94	Khá	CĐĐD8A
8	Quách Thị	Thi		17/03/95	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.22	Khá	CĐĐD8A
9	Võ Minh	Thiểu	30/11/95		Phước Long, Bạc Liêu	7.11	Khá	CĐĐD8A
10	Trần Thị Cẩm	Tiên		25/11/1995	Vĩnh Lợi, Minh Hải	7.16	Khá	CĐĐD8A
11	Kim Thị	Cúc		5/4/1996	Vĩnh Lợi, Minh Hải	7.10	Khá	CĐĐD8B
12	Quách Văn Lâm	Linh	03/06/96		Vĩnh Thuận, Kiên Giang	7.00	Khá	CĐĐD8B
13	Trần Thủy	Tiên		01/01/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.06	Khá	CĐĐD8B
14	Nguyễn Thị Hạnh	Dung		21/09/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.69	Khá	CĐ Dược 4A
15	Nguyễn Thúy	Cầm		09/05/95	Phước Long, Bạc Liêu	7.47	Khá	CĐ Dược 4B
16	Lâm Kiều	Liên		16/11/96	Bạc Liêu	7.39	Khá	CĐ Dược 4B
17	Huỳnh Dương	Linh	15/06/96		Phước Long, Bạc Liêu	7.27	Khá	CĐ Dược 4B
18	Quách Hồng	Phấn		24/04/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.66	Khá	CĐ Dược 4B
19	Đặng Hồng	Thắm		01/01/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.27	Khá	CĐ Dược 4B
20	Lư Thị Kim	Anh		10/04/94	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	7.10	Khá	CĐ Dược 4C

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
21	Phạm Tố	Nhi		15/06/96	Đông Hải, Bạc Liêu	7.40	Khá	CĐ Dược 4C
22	Lý Huỳnh	Như		12/12/95	Cà Mau	7.17	Khá	CĐ Dược 4C
23	Trương Thị	Thảo		5/08/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.25	Khá	CĐ Dược 4D
24	Thái Thanh	Tú		04/06/95	Giá Rai, Bạc Liêu	7.07	Khá	CĐ Dược 4D
25	Huỳnh	Như		15/04/95	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.19	Khá	CĐHS2
26	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng		11/5/1996	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.12	Khá	CĐHS2
27	Nguyễn Thị Lan	Thi		9/20/1996	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	7.11	Khá	CĐHS2
28	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên		7/2/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.09	Khá	CĐHS2

Ghi chú: Danh sách này có 28 sinh viên

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 9 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Kim Nhang

LẬP BẢNG

Huỳnh Điền Côn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN XẾP LOẠI HỌC TẬP KHÁ - GIỎI, NĂM HỌC THỨ 3, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
Niên học 2016 - 2017

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 3	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
1	Nguyễn Minh	Quy	18/08/95		Giá Rai, Bạc Liêu	8.10	Giỏi	CĐĐD8A
2	Lưu Thị Như	Bình		15/10/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.31	Khá	CĐĐD8A
3	Nguyễn Thị Hồng	Chúc		06/07/95	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.19	Khá	CĐĐD8A
4	Nguyễn Đô	Em	20/07/95		Phước Long, Bạc Liêu	7.19	Khá	CĐĐD8A
5	Trần Ngọc	Huyền		15/05/95	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.67	Khá	CĐĐD8A
6	Lương Xuân	Lộc	7/4/1996		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.05	Khá	CĐĐD8A
7	Trần Thanh	Nga		08/10/96	Trần Văn Thời, Cà Mau	7.53	Khá	CĐĐD8A
8	Nguyễn Kim	Ngọc		26/2/1995	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.57	Khá	CĐĐD8A
9	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		04/01/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.67	Khá	CĐĐD8A
10	Phạm Thanh	Quyên		19/6/1996	Thị xã Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.19	Khá	CĐĐD8A
11	Nguyễn Văn	Tam	30/05/96		Phước Long, Bạc Liêu	7.14	Khá	CĐĐD8A
12	Nguyễn Minh	Tân	19/09/95		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.21	Khá	CĐĐD8A
13	Quách Ngọc	Thảo		17/11/1995	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.07	Khá	CĐĐD8A
14	Lý Thu	Thảo		13/11/96	Mỹ Tú, Sóc Trăng	7.33	Khá	CĐĐD8A
15	Quách Thị	Thi		17/03/95	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.67	Khá	CĐĐD8A
16	Võ Minh	Thiều	30/11/95		Phước Long, Bạc Liêu	7.52	Khá	CĐĐD8A
17	Lê Trần Phương	Thư		06/5/1996	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.12	Khá	CĐĐD8A
18	Trần Thị Cẩm	Tiên		25/11/1995	Vĩnh Lợi, Minh Hải	7.52	Khá	CĐĐD8A
19	Vũ Thị Thủy	Tiên		15/07/96	Hòa Bình, Bạc Liêu	7.36	Khá	CĐĐD8A
20	Đặng Huyền	Trân		00/00/96	Giá Rai, Bạc Liêu	7.05	Khá	CĐĐD8A
21	Huỳnh Thị Thùy	Trang		19/06/1996	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.05	Khá	CĐĐD8A
22	Ngô Thị Tuyết	Cầm		26/05/96	Hòa Bình, Bạc Liêu	7.15	Khá	CĐĐD8B
23	Kim Thị	Cúc		5/4/1996	Vĩnh Lợi, Minh Hải	7.25	Khá	CĐĐD8B
24	Trịnh Văn	Đô	09/05/96		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.29	Khá	CĐĐD8B
25	Huỳnh Huy	Hoàng	12/05/96		Bà Rịa, Vũng Tàu	7.03	Khá	CĐĐD8B
26	Quách Văn Lâm	Linh	03/06/96		Vĩnh Thuận, Kiên Giang	7.36	Khá	CĐĐD8B

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 3	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
27	Danh	Minh	13/4/1991		Hồng Dân, Bạc Liêu	7.45	Khá	CĐĐD8B
28	Huỳnh Hồng	Mơ		08/04/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.03	Khá	CĐĐD8B
29	Vũ Thị Hải	Nhi		23/10/95	Bạc Liêu, Minh Hải	7.02	Khá	CĐĐD8B
30	Trần Thủy	Tiên		01/01/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.21	Khá	CĐĐD8B
31	Nguyễn Bích	Tuyền		10/06/94	Phước Long, Bạc Liêu	7.03	Khá	CĐĐD8B
32	Danh	Vĩ	1/1/1996		Hồng Dân, Bạc Liêu	7.05	Khá	CĐĐD8B
33	Thị	Yến		01/01/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.24	Khá	CĐĐD8B
34	Nguyễn Thị Hạnh	Dung		21/09/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.07	Giỏi	CĐ Dược 4A
35	Triệu Thanh	Tha	01/01/96		Bạc Liêu	7.07	Khá	CĐ Dược 4A
36	Trương Huyền	Thanh		16/03/95	Ngọc Hiển, Cà Mau	7.39	Khá	CĐ Dược 4A
37	Danh Huyền	Thoại	01/01/96		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.37	Khá	CĐ Dược 4A
38	Hồ Thị Cẩm	Tiên		02/08/95	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.18	Khá	CĐ Dược 4A
39	Nguyễn Thái Ngọc	Yến		18/10/95	Bạc Liêu, Minh Hải	7.14	Khá	CĐ Dược 4A
40	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		2/10/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.18	Khá	CĐ Dược 4B
41	Nguyễn Thúy	Cầm		09/05/95	Phước Long, Bạc Liêu	7.65	Khá	CĐ Dược 4B
42	Vũ Thị Thúy	Hằng		28/06/96	Bạc Liêu	7.12	Khá	CĐ Dược 4B
43	Lâm Kiều	Liên		16/11/96	Bạc Liêu	7.37	Khá	CĐ Dược 4B
44	Huỳnh Dương	Linh	15/06/96		Phước Long, Bạc Liêu	7.35	Khá	CĐ Dược 4B
45	Phạm Mỷ	Linh		01/01/93	Đông Hải, Bạc Liêu	7.46	Khá	CĐ Dược 4B
46	Võ Lâm Trọng	Nghĩa	06/09/95		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.00	Khá	CĐ Dược 4B
47	Quách Hồng	Phấn		24/04/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.98	Khá	CĐ Dược 4B
48	Đặng Hồng	Thắm		01/01/96	Phước Long, Bạc Liêu	7.60	Khá	CĐ Dược 4B
49	Lâm Thị Cẩm	Tiên		14/04/96	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.14	Khá	CĐ Dược 4B
50	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên		03/12/96	Hòa Bình, Bạc Liêu	7.07	Khá	CĐ Dược 4B
51	Nguyễn Cẩm	Tú		16/02/95	Giá Rai, Bạc Liêu	7.19	Khá	CĐ Dược 4B
52	Lư Thị Kim	Anh		10/04/94	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	7.55	Khá	CĐ Dược 4C
53	La Tú	Linh		26/04/96	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.02	Khá	CĐ Dược 4C
54	Lý Trần Hiền	Ngoan		11/04/96	Củ Chi, TP HCM	7.05	Khá	CĐ Dược 4C
55	Phạm Tố	Nhi		15/06/96	Đông Hải, Bạc Liêu	7.75	Khá	CĐ Dược 4C
56	Lý Huỳnh	Như		12/12/95	Cà Mau	7.47	Khá	CĐ Dược 4C
57	Nguyễn Thu	Thảo		10/11/96	Long Mỹ, Cần Thơ	7.33	Khá	CĐ Dược 4C
58	Nguyễn Trần Châu	Đoan		12/11/96	Long Phú, Sóc Trăng	7.07	Khá	CĐ Dược 4D

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 3	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
59	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		06/10/96	Vĩnh Lợi, Minh Hải	7.19	Khá	CĐ Dược 4D
60	Triệu Yến	Hương		23/06/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.11	Khá	CĐ Dược 4D
61	Lư Trúc	Linh		14/06/96	Bạc Liêu	7.33	Khá	CĐ Dược 4D
62	Huỳnh Kim	Mịn		10/05/95	Phước Long, Bạc Liêu	7.04	Khá	CĐ Dược 4D
63	Trương Thị	Thảo		5/08/96	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.74	Khá	CĐ Dược 4D
64	Trần Kim	Thoa		19/10/96	Giá Rai, Bạc Liêu	7.16	Khá	CĐ Dược 4D
65	Trương Thị Thanh	Thoán		29/12/96	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.07	Khá	CĐ Dược 4D
66	Thái Thanh	Tú		04/06/95	Giá Rai, Bạc Liêu	7.35	Khá	CĐ Dược 4D
67	Nguyễn Thị Trúc	Vy		25/09/96	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.23	Khá	CĐ Dược 4D
68	La Thị Tiểu	My		12/10/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.11	Khá	CĐHS2
69	Huỳnh	Như		15/04/95	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.37	Khá	CĐHS2
70	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng		11/5/1996	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.12	Khá	CĐHS2
71	Nguyễn Thị Lan	Thi		9/20/1996	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	7.28	Khá	CĐHS2
72	Nguyễn Thị Anh	Thư		08/11/96	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.11	Khá	CĐHS2
73	Nguyễn Thị Câm	Tiên		7/2/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.05	Khá	CĐHS2

Ghi chú: Danh sách này có 73 sinh viên, trong đó: Giỏi: 2, Khá: 71

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 9 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Kim Nhang

LẬP BẢNG

Huỳnh Điền Côn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP KHÁ - GIỎI TOÀN KHÓA ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
Niên khóa 2015 - 2017

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
1	Phạm Văn	Trực	10/23/1995		Giá Rai, Bạc Liêu	7.0	Khá	ĐDTH23
2	Mã Bảo	Yến		10/3/1997	Đông Hải, Bạc Liêu	7.0	Khá	ĐDTH23
3	Phan Thị Mỷ	Duyên		10/22/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.0	Giỏi	DSTH14
4	Trần Tiểu	Hồ	1/28/1992		Phước Long, Bạc Liêu	8.0	Giỏi	DSTH14
5	Hồng Diễm	Thuý		6/6/1993	Đông Hải, Bạc Liêu	8.2	Giỏi	DSTH14
6	Nguyễn Thị Thu	Thuý		1/7/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.1	Giỏi	DSTH14
7	Nguyễn Hồng Phương	Trúc		3/9/1991	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.7	Giỏi	DSTH14
8	Trương Ngọc	Hà		9/13/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.5	Khá	DSTH14
9	Hồ Trúc	Mụi		2/18/1997	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.7	Khá	DSTH14
10	Phạm Thị Diễm	My		9/9/1995	Giá Rai, Bạc Liêu	7.7	Khá	DSTH14
11	Đặng Thị Kim	Ngân		3/8/1997	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.6	Khá	DSTH14
12	Trác Lệ	Nương		1/26/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.6	Khá	DSTH14
13	Trần Thị Trúc	Phường		3/13/1997	Phước Long, Bạc Liêu	7.4	Khá	DSTH14
14	Nguyễn Nhật	Quang	12/22/1996		Đầm Dơi, Cà Mau	7.7	Khá	DSTH14
15	Trần Quốc	Thuận	1/1/1995		Bạc Liêu, Minh Hải	7.1	Khá	DSTH14
16	Trương Tấn	Tú	12/19/1993		Mau	7.7	Khá	DSTH14
17	Huỳnh Nguyễn Khánh	Vi		11/30/1997	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.2	Khá	DSTH14
18	Huỳnh Quốc	Dương	11/20/1995		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.2	Giỏi	KTVXN11
19	Đỗ Phương	Anh		9/15/1997	Đông Hải, Bạc Liêu	7.7	Khá	KTVXN11
20	Trương Chí	Đại	9/29/1992		Mau	7.3	Khá	KTVXN11

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
21	Trương Thái	Học	11/28/1997		Mau	7.4	Khá	KTVXN11
22	Nguyễn Hoàng	Hớn	7/28/1993		Giá Rai, Bạc Liêu	7.8	Khá	KTVXN11
23	Huỳnh Phạm	Huỳnh	12/3/1997		Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.1	Khá	KTVXN11
24	Nguyễn Minh	Nhựt	10/24/1995		Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	7.0	Khá	KTVXN11
25	Nguyễn Thanh	Thoại	6/10/1995		Cà Mau	7.6	Khá	KTVXN11
26	Phan Cẩm	Thu		9/14/1997	Mau	7.9	Khá	KTVXN11
27	Tôn Nguyễn Hải	Trang		9/29/1997	Giá Rai, Bạc Liêu	8.0	Giỏi	YHDP8A
28	Huỳnh Thị Hồng	Loan		10/19/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.1	Khá	YHCT8
29	Phạm Thị Trúc	My		9/20/1997	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.3	Khá	YHCT8
30	Nguyễn Huỳnh	Như		2/22/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.3	Khá	YHCT8
31	Nguyễn Thị	Thắm		9/10/1988	Đồng Tháp	7.3	Khá	YHCT8
32	Dương Thị Cẩm	Tiên		4/13/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.4	Khá	YHCT8
33	Lê Mỹ	Trinh		5/20/1996	Mau	7.4	Khá	YHCT8
34	Duy Thị Kim	Vi		3/20/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.8	Khá	YHCT8
35	Phạm Thị Kiều	Mi		1/1/1997	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.1	Khá	YHDP8A
36	Vũ Đình	Cường	5/22/1995		Hòa Bình, Bạc Liêu	7.1	Khá	YHDP8B
37	Nguyễn Cẩm	Tiên		2/7/1997	Mau	7.4	Khá	YHDP8B

Ghi chú: Danh sách này có 37 học sinh, trong đó: Giỏi: 7, Khá: 30

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 9 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Kim Nhang

LẬP BẢNG

Huỳnh Điền Côn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH XẾP LOẠI HỌC TẬP KHÁ - GIỎI NĂM HỌC THỨ 2
Niên khóa 2016 - 2017

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 2	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
1	Phạm Văn	Trực	10/23/1995		Giá Rai, Bạc Liêu	7.1	Khá	ĐDTH23
2	Phạm Thị Ngọc	Ý		4/7/1997	Phước Long, Bạc Liêu	7.0	Khá	ĐDTH23
3	Mã Bảo	Yến		10/3/1997	Đông Hải, Bạc Liêu	7.5	Khá	ĐDTH23
4	Hồng Diễm	Thuý		6/6/1993	Đông Hải, Bạc Liêu	8.0	Giỏi	DSTH14
5	Nguyễn Thị Thu	Thuý		1/7/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.1	Giỏi	DSTH14
6	Nguyễn Hồng Phương	Trúc		3/9/1991	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	8.8	Giỏi	DSTH14
7	Phan Thị Mỷ	Duyên		10/22/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.8	Khá	DSTH14
8	Trương Ngọc	Hà		9/13/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.4	Khá	DSTH14
9	Trần Tiểu	Hồ	1/28/1992		Phước Long, Bạc Liêu	7.8	Khá	DSTH14
10	Hồ Trúc	Mụi		2/18/1997	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.4	Khá	DSTH14
11	Phạm Thị Diễm	My		9/9/1995	Giá Rai, Bạc Liêu	7.2	Khá	DSTH14
12	Đặng Thị Kim	Ngân		3/8/1997	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.6	Khá	DSTH14
13	Trác Lệ	Nương		1/26/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.0	Khá	DSTH14
14	Trần Thị Trúc	Phường		3/13/1997	Phước Long, Bạc Liêu	7.3	Khá	DSTH14
15	Nguyễn Nhật	Quang	12/22/1996		Đầm Dơi, Cà Mau	7.6	Khá	DSTH14
16	Tăng Thu	Thảo		12/5/1995	Giá Rai, Bạc Liêu	7.1	Khá	DSTH14
17	Trần Quốc	Thuận	1/1/1995		Bạc Liêu, Minh Hải	7.6	Khá	DSTH14
18	Hồ Thanh	Trúc		3/5/1991	TX Bạc Liêu, Minh Hải	7.6	Khá	DSTH14
19	Trương Tấn	Tú	12/19/1993		Mau	7.9	Khá	DSTH14
20	Huỳnh Nguyễn Khánh	Vi		11/30/1997	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.0	Khá	DSTH14

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 2	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
21	Mai Thị Phương	Huyền		12/6/1993	Giá Rai, Bạc Liêu	7.0	Khá	HSTH23
22	Đỗ Phương	Anh		9/15/1997	Đông Hải, Bạc Liêu	8.0	Giỏi	KTVXN11
23	Trương Chí	Đại	9/29/1992		Mau	8.2	Giỏi	KTVXN11
24	Huỳnh Quốc	Dương	11/20/1995		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	8.7	Giỏi	KTVXN11
25	Nguyễn Hoàng	Hớn	7/28/1993		Giá Rai, Bạc Liêu	8.4	Giỏi	KTVXN11
26	Nguyễn Thanh	Thoại	6/10/1995		Cà Mau	8.1	Giỏi	KTVXN11
27	Phan Cẩm	Thu		9/14/1997	Mau	8.0	Giỏi	KTVXN11
28	Châu Quốc	Cường	6/27/1993		Giá Rai, Bạc Liêu	7.4	Khá	KTVXN11
29	Tiết Văn	Điền	6/4/1996		Phú Tân, Cà Mau	7.7	Khá	KTVXN11
30	Võ Xuân	Duy	9/14/1996		Hồng Dân, Bạc Liêu	7.4	Khá	KTVXN11
31	Phan Tú	Duyên		11/17/1996	Giá Rai, Minh Hải	7.9	Khá	KTVXN11
32	Trương Thái	Học	11/28/1997		Mau	7.8	Khá	KTVXN11
33	Mai Thanh	Huyền		4/1/1997	Giá Rai, Bạc Liêu	7.2	Khá	KTVXN11
34	Huỳnh Phạm	Huỳnh	12/3/1997		Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.8	Khá	KTVXN11
35	Hứa Tuấn	Kha	4/3/1997		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.2	Khá	KTVXN11
36	Hà Thị Trúc	Linh		2/9/1997	Thạnh Trị, Sóc Trăng	7.6	Khá	KTVXN11
37	Vưu Trần Thị Tường	Mi		6/23/1996	Bạc Liêu	7.7	Khá	KTVXN11
38	Trần Huỳnh	Như		1/14/1996	Đông Hải, Minh Hải	7.6	Khá	KTVXN11
39	Nguyễn Minh	Nhựt	10/24/1995		Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	7.3	Khá	KTVXN11
40	Quách Tấn	Phát	10/10/1997		Trần Đề, Sóc Trăng	7.5	Khá	KTVXN11
41	Nguyễn Toàn	Quốc	9/5/1997		Giá Rai, Bạc Liêu	7.1	Khá	KTVXN11
42	Nguyễn Thanh	Sắc	3/6/1997		Cái Nước, Cà Mau	7.2	Khá	KTVXN11
43	Huỳnh Kim	Thảo		4/3/1997	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.1	Khá	KTVXN11
44	Nguyễn Đặng Anh	Thư		12/25/1997	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	7.3	Khá	KTVXN11
45	Lê Văn	Thuần	10/8/1995		U Minh, Cà Mau	7.1	Khá	KTVXN11

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Điểm TBC năm 2	Xếp loại	Lớp
			Nam	Nữ				
46	Lý Thị Mỹ	Tiên		11/14/1995	Giá Rai, Minh Hải	7.3	Khá	KTVXN11
47	Đàm Văn	Trận	9/20/1991		Ngã Năm, Sóc Trăng	7.1	Khá	KTVXN11
48	Lương Văn	Út	00-00-91		Giá Rai, Minh Hải	7.7	Khá	KTVXN11
49	Thạch Thị Hồng	Vân		11/11/1997	Sóc Trăng	7.0	Khá	KTVXN11
50	Võ Nguyễn Thuý	Vi		3/27/1997	TX Bạc Liêu	7.2	Khá	KTVXN11
51	Lâm Như	Ý		4/13/1994	Thới Bình, Cà Mau	7.4	Khá	KTVXN11
52	Huỳnh Thị Hồng	Loan		10/19/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.2	Khá	YHCT8
53	Phạm Thị Trúc	My		9/20/1997	Hồng Dân, Bạc Liêu	7.1	Khá	YHCT8
54	Nguyễn Huỳnh	Như		2/22/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.0	Khá	YHCT8
55	Nguyễn Thị	Thắm		9/10/1988	Đồng Tháp	7.0	Khá	YHCT8
56	Dương Thị Cẩm	Tiên		4/13/1997	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	7.5	Khá	YHCT8
57	Lê Mỹ	Trinh		5/20/1996	Mau	7.2	Khá	YHCT8
58	Duy Thị Kim	Vi		3/20/1996	Phước Long, Bạc Liêu	7.3	Khá	YHCT8
59	Lê Thị Anh	Thư		11/15/1996	Hòa Bình, Bạc Liêu	7.1	Khá	YHDP8A
60	Tôn Nguyễn Hải	Trang		9/29/1997	Giá Rai, Bạc Liêu	7.6	Khá	YHDP8A
61	Nguyễn Mộng	Nghi		2/13/1996	Giá Rai, Bạc Liêu	7.0	Khá	YHDP8B

Ghi chú: Danh sách này có 61 học sinh, trong đó: Giỏi: 9, Khá: 52

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 9 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Kim Nhang

LẬP BẢNG

Huỳnh Điền Côn